

Bản án số: 95/2019/HS-ST

Ngày 24-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xet;

2. Ông Lê Bá Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn P (tên gọi khác: **Phú T**), sinh năm 1988 tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 06-02-2017, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 04/2017/XLHC-QĐ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng;

Nhân thân:

- Ngày 27-5-2009 bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số 49/2009/HSST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11-4-2010, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án này;

- Ngày 17-8-2015, Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 17-8-2015 đến ngày 17-11-2015; đã chấp hành xong;

Ngày 24-10-2018 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 28-02-2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam từ ngày 07-3-2019 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Thượng Thế Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 4, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn P và ông Nguyễn Văn S có quan hệ bạn bè với nhau. Do không có tiền tiêu xài nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông S để cầm cố. thực hiện ý định, vào khoảng 08 giờ ngày 24-10-2018, P đi bộ đến nhà của ông S ở ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương và hỏi mượn xe mô tô biển số 61E1-651.06 của ông S để đi mua thẻ nạp trò chơi điện tử, P hứa sau khi mua xong sẽ trả xe cho ông S. Do vậy, ông S đã tin tưởng và giao xe mô tô biển số 61E1-651.06 cho P. Sau khi lấy được xe, P điều khiển xe mô tô biển số 61E1-651.06 đến nhà của ông Thượng Thế Ph ở ấp 4, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Tại đây, P yêu cầu ông Ph cho P cầm cố chiếc xe mô tô biển số 61E1-651.06 với giá 3.000.000 đồng. Ông Ph hỏi giấy tờ xe thì P trả lời “anh yên tâm, chiều mai em sẽ đến chuộc”, do quen biết với P nên ông Ph đồng ý nhận cầm cố và đưa cho P 3.000.000 đồng, sau đó P đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, ông S không thấy P đem xe mô tô biển số 61E1-651.06 đến trả nên đến nhà P tìm nhưng không gặp được P. Đến 08 giờ ngày 25-10-2018, P vẫn chưa trả xe mô tô biển số 61E1-651.06 nên ông S đến Công an xã H trình báo sự việc. Sau khi trình báo sự việc tại Công an xã H, ông

S tiếp tục đi tìm và gặp P tại khu vực ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi gặp ông S, P nói dối với ông S là xe mô tô biển số 61E1-651.06 đã cho người khác mượn và kêu ông S đi đến ngã ba cây xăng xã H chờ, sẽ có người đến trả xe. Tại đây, Công an xã H đã mời P đến trụ sở làm việc, còn ông S tiếp tục đứng chờ đến 13 giờ cùng ngày nhưng không thấy ai mang xe trả nên đến Công an xã H gặp P, lúc này P khai nhận đã mang xe mô tô biển số 61E1-651.06 cầm cố cho ông Ph. Công an xã H đã mời ông Ph đến làm việc và thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 61E1-651.06, số máy E3X9E185929, số khung 3210HY073226.

Công an xã H đã lập hồ sơ ban đầu và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/KLTS-TTHS ngày 10-01-2019 của Hội đồng định giá giá trị tài sản Ủy ban nhân dân thị xã T xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 61E1-651.06, số máy E3X9E185929, số khung 3210HY073226 giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Xe này do ông Nguyễn Văn S đứng tên trong giấy đăng ký xe. Ngày 10-02-2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 64 trả lại xe mô tô này cho ông S, ông S không có yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm dân sự, ông Thượng Thế Ph không có yêu cầu gì.

Bản Cáo trạng số 95/CT-VKS-TU ngày 18-6-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố bị cáo Lê Văn P ra trước Tòa án nhân dân thị xã T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 và điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù;
- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng đúng quy định nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;
- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thượng Thế Ph không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Văn S khai: Khoảng 08 giờ ngày 24-10-2018, P đến nhà của ông S hỏi mượn xe mô tô biển số 61E1-651.06 để đi mua thẻ nạp trò chơi điện tử, P hứa sau khi mua xong sẽ trả xe cho nên ông S đã tin tưởng và giao xe cho P. Đến 17 giờ cùng ngày, ông S không thấy P đem xe đến trả nên đến nhà P tìm nhưng không gặp được P. Đến 08 giờ ngày 25-10-2018, ông S đến Công an xã H trình báo sự việc và tiếp tục đi tìm thì gặp P tại khu vực ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. P nói là xe mô tô biển số 61E1-651.06 đã cho người khác mượn và kêu ông S đi đến ngã ba cây xăng xã H chờ, sẽ có người đến trả xe. Ông S tiếp tục đứng chờ đến 13 giờ cùng ngày nhưng không thấy ai mang xe trả nên đến Công an xã H gặp P, lúc này P khai nhận đã mang xe mô tô biển số 61E1-651.06 cầm cố cho ông Ph. Ngày 10-02-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại điện thoại cho ông S nên ông không có yêu cầu gì khác. Ông S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thượng Thế Ph khai: Ngày 24-10-2018, P điều khiển xe mô tô biển số 61E1-651.06 đến nhà của ông Thượng Thế Ph yêu cầu ông Ph cho P cầm cố xe với giá 3.000.000 đồng. Ông Ph hỏi giấy tờ xe thì P nói chiều mai sẽ đến chuộc, do quen biết với P nên ông Ph đồng ý nhận cầm cố và đưa cho P 3.000.000 đồng. Ngày 25-10-2018, Công an xã H mời ông Ph đến làm việc thì ông Ph mới biết xe này của ông S bị P lừa đảo đem cầm cố cho ông Ph. Ông Ph đã tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T và không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 24-10-2018, Lê Văn P đã lợi dụng sự quen biết với ông Nguyễn Văn S và dùng thủ đoạn gian dối để ông S tin tưởng giao xe mô tô biển số 61E1-651.06 do ông S là chủ sở hữu sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt, trị giá xe mô tô biển số 61E1-651.06 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự an ninh tại địa Ph, nhưng vì ý thức coi thường pháp luật, để có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần bỏ sức lao động, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, tạo sự tin tưởng để bị hại giao tài sản là chiếc xe mô tô biển số 61E1-651.06, có giá trị 17.000.000 đồng cho bị cáo sử dụng để chiếm đoạt. Bị cáo đã cầm cố chiếc xe cho ông Ph để mượn 3.000.000 đồng sau đó bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền này. Điều đó thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa Ph, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự và 02 nhân thân.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo sớm thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thượng Thế Ph không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành quyết định xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét mức hình phạt mà Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn P (tên gọi khác: Phú T) phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07-3-2019.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm